TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 7-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Sinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Điển

Ông Nguyễn Xuân Tuất

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2020/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐ-TA ngày 30-6-2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị PTT; ĐKHKTT: Số 10 khu tập thể A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 7B6 ngõ 16B D, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Bị đơn: Anh NXC; ĐKHKTT: Số 10 khu tập thể A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 7B6 ngõ 16B D, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 01 năm 2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị PTT trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị PTT và anh NXC kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng ngày 20-5-1999. Quá trình chung sống đến năm 2008, hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh NXC thường

ghen tuông vô cớ nên hai bên thường xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào thời điểm chị sinh con thứ hai vào năm 2008 do chị nghỉ việc ở nhà chăm sóc con, không đi làm, nên anh NXC tỏ thái độ không hài lòng, thường mắng chửi, xúc phạm chị. Gia đình hai bên tham gia khuyên giải nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Chị đã từng nộp đơn ly hôn anh NXC nhưng được giải thích và muốn tạo điều kiện để anh NXC thay đổi tính cách, nên chị rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, anh NXC vẫn không thay đổi, mà vẫn thường xuyên mắng chửi chị. Khoảng tháng 3 năm 2020, do không thể chịu đựng được sự mắng chửi, xúc phạm của anh NXC nên chị đưa hai con về nhà mẹ đẻ ở. Sau đó, anh NXC đến xin lỗi nên chị và các con lại trở về nhà sống cùng anh NXC. Từ đó đến nay, anh NXC vẫn tiếp tục xúc phạm chị. Nay xét thấy không thể tiếp tục chung sống được nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh NXC.

Về con chung: Chị PTT và anh NXC có 02 con chung là E, sinh ngày 02-8- 2000 trên 18 tuổi và F, sinh ngày 12-5-2008. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi con F và không yêu cầu Tòa án giải quyết tiền cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh NXC vắng mặt, không trình bày ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ trình tự, thủ tục tố tụng, trong đó thụ lý vụ án, xác định người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, xét xử vụ án theo quy định pháp luật. Tòa án chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và ra quyết định mở phiên tòa đúng thời hạn theo quy định tại các Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án thụ lý, giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn, bảo đảm quy định điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm về việc giải quyết vụ án : Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị PTT được ly hôn anh NXC, giao chị PTT trực tiếp nuôi dưỡng cháu F, không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung; nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án thụ lý, giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con, bảo đảm quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa xét xử lần thứ hai, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, nhưng tiếp tục vắng mặt không có lý do, nên cần chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc xét xử vắng mặt bị đơn, phù hợp quy định điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nhận định các tình tiết của vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân : Chị PTT và anh NXC kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 1999 nên quan hệ hôn nhân giữa chị PTT và anh NXC là hợp pháp. Anh NXC vắng mặt tại phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử là một trong những căn cứ hợp pháp để đánh giá anh NXC từ bỏ nguyện vọng, mong muốn hòa giải, đoàn tụ. Trên cơ sở xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đại diện Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, trẻ em tại địa phương, phù hợp với trình bày của đương sự, thể hiện quan hệ giữa vợ chồng đương sự ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị PTT được ly hôn anh NXC, phù hợp quy định theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị PTT và anh NXC có 02 con chung là E, sinh ngày 02-8-2000 trên 18 tuổi và F, sinh ngày 12-5-2008. Tại phiên tòa, chị PTT trình bày hiện tại chị làm việc có thu nhập và có nơi ở ổn định, có khả năng nuôi dưỡng con; anh NXC vắng mặt tại phiên tòa và không có quan điểm, ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Cháu F có nguyện vọng ở với mẹ. Xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho bố, mẹ trông non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn phải bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con F cho chị PTT nuôi dưỡng là phù hợp điều kiện thực tế, phù hợp nguyện vọng của con và phù hợp với với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con do chị PTT đề nghị để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản chung : Chị PTT đề nghị hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ t hẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, chị PTT phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị PTT.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị PTT được ly hôn anh NXC.

- Về con chung: Giao cháu F, sinh ngày 12-5-2008 cho chị PTT trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con, do không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Chị PTT phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0008444 ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng nên chị PTT đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- UBND P. B, Q. C, HP;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Sinh